

Số: 42/2025/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử
đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số
85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các
cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Xét Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi,
thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI
và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian được
hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu
Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ
công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các
cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân được cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ liên quan đến phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử

1. Mức chi: Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

2. Thời gian được hưởng: chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ cước điện thoại di động (*được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử*), từ thời điểm các tổ chức phụ trách bầu cử (*Ban Chỉ đạo; Ủy ban bầu cử; Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND; Tổ bầu cử*) thành lập đến khi kết thúc nhiệm vụ, nhưng tối đa không quá 4 tháng.

Điều 3. Nguồn kinh phí

Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 tỉnh Quảng Ngãi do ngân sách nhà nước đảm bảo, từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu và ngân sách địa phương bổ sung theo phân cấp ngân sách.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trường hợp các nội dung chi phát sinh liên quan trực tiếp đến công tác bầu cử (nếu có) và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của trung ương và tại Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, quyết định mức chi cụ thể sau khi thống nhất với Ủy ban bầu cử tỉnh để làm cơ sở triển khai thực hiện.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận: *me*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd(Ttka). *me*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy



Phụ lục

Quy định mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung chi	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị:		
a	Chi hội nghị thực hiện theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.		
b	Chi tổ chức tập huấn phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023) Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và áp dụng theo đơn vị hành chính trước sáp nhập; Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp:		
a	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam		
-	Chủ trì cuộc họp:	500.000 đồng/người/buổi	350.000 đồng/người/buổi
-	Thành viên tham dự:	200.000 đồng/người/buổi	150.000 đồng/người/buổi
-	Các đối tượng phục vụ:	100.000 đồng/người/buổi	70.000 đồng/người/buổi
b	Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử		
-	Chủ trì cuộc họp:	300.000 đồng/người/buổi	200.000 đồng/người/buổi
-	Thành viên tham dự:	200.000 đồng/người/buổi	150.000 đồng/người/buổi
-	Các đối tượng phục vụ:	100.000 đồng/người/buổi	70.000 đồng/người/buổi
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử:		
Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:			
a	Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát:	300.000 đồng/người/buổi	200.000 đồng/người/buổi
b	Thành viên chính thức của đoàn kiểm tra, giám sát:	200.000 đồng/người/buổi	150.000 đồng/người/buổi
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn kiểm tra, giám sát:		
-	Phục vụ trực tiếp đoàn kiểm tra, giám sát:	150.000 đồng/người /buổi	100.000 đồng/người /buổi
-	Phục vụ gián tiếp đoàn kiểm tra, giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo (nếu có)):	100.000 đồng/người/buổi	70.000 đồng/người/buổi
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát		
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	5.000.000 đồng/báo cáo	3.500.000 đồng/báo cáo
-	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	7.000.000 đồng/báo cáo	5.000.000 đồng/báo cáo

STT	Nội dung chi	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản	200.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 750.000 đồng/người/văn bản
-	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	1.000.000 đồng/báo cáo	700.000 đồng/báo cáo
4	Chi xây dựng văn bản:		
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính); Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) về Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.		
b	Chi xây dựng các văn bản có liên quan đến công tác bầu cử (ngoài các văn bản quy phạm pháp luật):		
-	Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).	3.000.000 đồng/văn bản	2.000.000 đồng/văn bản
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản	200.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 750.000 đồng/người/văn bản
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:		
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:		
-	Trưởng, Phó Trưởng Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó chủ tịch, thư ký Ủy ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	3.300.000 đồng/người/tháng	2.300.000 đồng/người/tháng
-	Các thành viên của Ban Chỉ đạo; ủy viên của Ủy ban bầu cử; Tổ Phó và thành viên của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; Tổ Phó và tổ viên của Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND	3.000.000 đồng/người/tháng	2.000.000 đồng/người/tháng
-	Các Ủy viên của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND	2.700.000 đồng/người/tháng	1.800.000 đồng/người/tháng
-	Tổ trưởng, thư ký và các ủy viên Tổ bầu cử		1.500.000 đồng/người/tháng
	Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		
b	Bồi dưỡng đối với các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các tổ giúp việc Ủy ban bầu cử)	200.000 đồng/người/ngày	150.000 đồng/người/ngày

STT	Nội dung chi	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
	Thực hiện chi bồi dưỡng theo mức khoán trong trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày; trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	3.000.000 đồng/người/tháng	2.000.000 đồng/người/tháng
c	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	300.000 đồng/người/ngày	200.000 đồng/người/ngày
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử		
a	Trưởng, Phó Trưởng Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó chủ tịch, thư ký Ủy ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	500.000 đồng/người/tháng	300.000 đồng/người/tháng
b	Các thành viên của Ban Chỉ đạo, ủy viên của Ủy ban bầu cử; Tổ Phó và thành viên của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; Tổ Phó và tổ viên của Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký và các Ủy viên của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND;	300.000 đồng/người/tháng	200.000 đồng/người/tháng
7	Khoản chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu HĐND thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử: 3.500.000 đồng/điểm nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác. Trường hợp, nhiều người ứng cử cùng một địa bàn mức hỗ trợ tối đa 3.500.000 đồng/điểm. Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Mặt trận Tổ quốc các cấp		
8	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:		
a	Người được giao trực tiếp công dân	150.000 đồng/người/buổi	100.000 đồng/người/buổi
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	100.000 đồng/người/buổi	70.000 đồng/người/buổi
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	50.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi
9	Chi đóng hòm phiếu Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung (mức chi tối đa)	500.000 đồng/hòm phiếu	500.000 đồng/hòm phiếu
10	Chi khắc dấu (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí) Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung (mức chi tối đa)	400.000 đồng/dấu	400.000 đồng/dấu
11	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung (mức chi tối đa)	1.500.000 đồng/bảng	1.500.000 đồng/bảng
12	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ và quy định của pháp luật hiện hành.		
13	Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ		
14	Các nội dung chi khác (chi văn phòng phẩm, trang thiết bị máy móc phục vụ bầu cử, các khoản chi phát sinh theo thực tế chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này...): Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		